

Số: /BC-KL

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

**Kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán chăm sóc
rừng trồng là rừng phòng hộ năm 2 (20 ha) - năm 2023 của
Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050;

Căn cứ Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định về các biện pháp lâm sinh; Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang Về việc Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn khu vực Hồ Cẩm Sơn, giai đoạn 2021-2025”

Căn cứ Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt phân bổ vốn trồng rừng thay thế đợt 01 năm 2023 cho các tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 08/03/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc ủy quyền quyết định một số nội dung thuộc lĩnh vực lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 388/QĐ-SXD ngày 26/12/2022 của Giám đốc Sở xây dựng tỉnh Bắc Giang về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ công văn số 839/SNN-QLXDCT ngày 11/5/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao nhiệm vụ và ủy quyền thẩm định công trình lâm sinh;

Ngày 18/5/2023, Chi cục Kiểm lâm nhận được tờ trình số 06/TTr-BQL của Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán chăm sóc rừng trồng phòng hộ năm 2 (20 ha)- năm 2023 của Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động do công ty TNHH nông lâm nghiệp Hưng Thịnh xây dựng.

(Kèm theo hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán)

Căn cứ vào biên bản kiểm tra hiện trường ngày 30/5/2023 của phòng Sử dụng và Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm và kết quả kiểm tra hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán chăm sóc rừng trồng phòng hộ năm 2 (20 ha) - năm 2023 của Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động với các nội dung cụ thể như sau:

I. TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Tên công trình, chủ đầu tư

1.1. Tên công trình: Chăm sóc rừng trồng phòng hộ năm 2- năm 2023 (20,0 ha).

1.2. Chủ đầu tư: Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động.

2. Thuộc dự án: Thực hiện chăm sóc rừng trồng phòng hộ năm 2 - năm 2023 bằng nguồn vốn trồng rừng thay thế được phân bổ theo Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

3. Địa điểm

Thuộc 04 xã An Lạc, Dương Hưu, Long Sơn, Thanh Luận, huyện Sơn

Động, tỉnh Bắc Giang với tổng diện tích là 20,0 ha, Chi tiết cụ thể như sau:

- Xã An Lạc: tại tiểu khu 146, 02 khoảnh 59, 60 gồm 02 lô, tổng diện tích 1,4 ha; tiểu khu 148, khoảnh 73 gồm 01 lô, diện tích 0,5 ha.
- Xã Dương Hưu: tại tiểu khu 153, 03 khoảnh (5, 12, 13), gồm 23 lô, tổng diện tích 14,5 ha; tiểu khu 152A, khoảnh 8 gồm 02 lô, tổng diện tích 1,3 ha.
- Xã Long Sơn: tại tiểu khu 171, khoảnh 30, gồm 01 lô, diện tích 1,3 ha.
- Xã Thanh Luận: tại tiểu khu 165, khoảnh 7, gồm 01 lô, diện tích 1,0 ha

4. Mục Tiêu

Xác định các biện pháp kỹ thuật cho phù hợp với hiện trạng từng lô rừng và lập dự toán để làm căn cứ tổ chức thực hiện chăm sóc rừng trồng là rừng phòng hộ năm 2 của năm 2023 tới từng lô rừng cụ thể, đảm bảo cho cây trồng sinh trưởng phát triển tốt, góp phần nâng cao chất lượng, trữ lượng và tính đa dạng của rừng; cải thiện chức năng phòng hộ, tăng khả năng duy trì và điều tiết nguồn nước, điều hòa khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái và điểm thăm quan du lịch sinh thái trên địa bàn. Đồng thời, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương; góp phần xóa đói giảm nghèo và đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn xã hội tại địa phương.

5. Nội dung và qui mô

5.1. Nội dung

a) Thu thập tài liệu liên quan

- Định mức kinh tế kỹ thuật thực hiện các biện pháp lâm sinh và định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ bản khác có liên quan của trung ương và địa phương;

- Hồ sơ thiết kế trồng, chăm sóc rừng trồng năm 1 của năm 2022 đã được phê duyệt và các hệ thống bảng biểu liên quan đến kết quả công tác nghiệm trồng rừng năm 1 năm 2022. Biên bản, biểu tổng hợp kết quả nghiệm thu chăm sóc rừng trồng phòng hộ năm 1 của năm 2022;

- Tài liệu, văn bản và các phương tiện, dụng cụ khác có liên quan đến công tác thiết kế;

b) Công tác ngoại nghiệp

- Sơ bộ khảo sát, xác định hiện trường khu thiết kế, đánh giá hiện trạng, xác định đối tượng cần thực hiện các biện pháp lâm sinh;

- Xác định hiện trạng thực bì lô rừng thiết kế chăm sóc (mức độ xâm lấn của thực bì ảnh hưởng đến cây trồng), xác định mật độ cây trồng đưa vào thiết kế chăm sóc, từ đó đưa ra các biện pháp kỹ thuật cụ thể phù hợp cho từng lô rừng.

c) Công tác nội nghiệp

- Xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: Dựa vào các chỉ tiêu kinh tế kỹ

thuật của Nhà nước, của địa phương xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và xây dựng dự toán chi phí đầu tư chăm sóc rừng trồng là rừng phòng hộ cho 01 ha và cho từng lô rừng cụ thể;

- Xây dựng báo cáo thuyết minh và hoàn thiện hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán chăm sóc rừng trồng phòng hộ năm 2 của năm 2023 để báo cáo chủ đầu tư và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5.2. Quy mô thực hiện

Tổng diện tích chăm sóc rừng trồng phòng hộ năm 2 của năm 2023 là 20,0 ha trên địa bàn 04 xã của huyện Sơn Động (Xã An Lạc: 1,9 ha; xã Dương Hữu: 15,8 ha; xã Long Sơn: 1,3 ha; xã Thanh Luận: 1,0 ha). Đất thuộc quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động.

6. Các giải pháp thiết kế chủ yếu

- Loài cây trồng đưa vào thiết kế chăm sóc là cây Thông Mã Vĩ, Lim Xanh và Keo tai tượng;

- Phương thức trồng:

+ Trồng thuần loài đối với loài cây Thông Mã Vĩ, mật độ đưa vào thiết kế chăm sóc là 1.330 cây/ha;

+ Trồng hỗn giao: Lim Xanh +Keo tai tượng, mật độ đưa vào thiết kế chăm sóc là 1.330 cây/ha.

- Chăm sóc: Số lần đưa vào chăm sóc rừng trồng là rừng phòng hộ năm 2 của năm 2023 là 02 lần với thời gian và kỹ thuật thực hiện như sau:

+ Lần 1: Thực hiện vào tháng 6 đến tháng 7; Phát thực bì toàn diện: phát cây bụi, dây leo, cỏ dại xâm lấn; xới đất và vun gốc cho cây; bảo vệ cây tái sinh mục đích; dùng cuốc dây sạch cỏ, xới đất kết hợp vun đất xung quanh gốc đường kính rộng 0,8-1,0 m, sâu 3- 4 cm. Khi xới đất xong kết hợp bón phân NPK 5:10:3 (0,2 kg/hố) xung quanh gốc và cách gốc cây 15- 20 cm rồi tiến hành vun đất xung quanh gốc cây.

+ Lần 2: Thực hiện từ tháng 10 đến tháng 11; Phát thực bì toàn diện: phát cây bụi, dây leo, cỏ dại xâm lấn. Thực hiện xới đất và vun gốc cho cây; bảo vệ cây tái sinh mục đích; dùng cuốc dây sạch cỏ, xới đất kết hợp vun đất xung quanh gốc đường kính rộng 0,8-1,0 m, sâu 3-4 cm.

7. Dự toán: Tổng dự toán chăm sóc rừng trồng là rừng phòng hộ năm 2 của năm 2023 là: **311.859.000 đồng**

(Bằng chữ: Ba trăm mười một triệu tám trăm năm mươi chín nghìn đồng.)

Trong đó:

a) Tổng chi phí đầu tư xây dựng: 302.420.000 đồng, bao gồm

+ Chi phí nhân công: 235.900.000 đồng

+ Chi phí phân bón: 40.960.000 đồng

+ Chi phí khảo sát, thiết kế, lập hồ sơ dự toán: 25.560.000 đồng.

b) Chi phí quản lý (3%): 9.073.000 đồng.

c) Chi phí thẩm định TKKT (0,121%): 366.000 đồng

Chi tiết cụ thể theo biểu sau:

TT	Hạng mục	Đơn giá	Diện tích (ha)	Thành tiền (đồng)
	DỰ TOÁN (I+II+III)	15.593.000	20,0	311.859.000
I	CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	15.121.000	20,0	302.420.000
1	Chi phí trực tiếp	13.843.000	20,0	276.860.000
1.1	Chi phí nhân công	11.795.000	20,0	235.900.000
+	Vận chuyển phân, bón phân	1.863.000	20,0	37.260.000
+	Phát chăm sóc lần 1	3.186.000	20,0	63.720.000
+	Xới chăm sóc lần 1	2.140.000	20,0	42.800.000
+	Phát chăm sóc lần 2	2.466.000	20,0	49.320.000
+	Xới chăm sóc lần 2	2.140.000	20,0	42.800.000
1.2	Chi phí vật tư	2.048.000	20,0	40.960.000
	Phân bón lót NPK (5.10.3); 0,2kg/cây	2.048.000	20,0	40.960.000
2	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.278.000	20,0	25.560.000
	Khảo sát, thiết kế, lập hồ sơ dự toán	1.278.000	20,0	25.560.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ (3%)	453.630	20,0	9.073.000
III	CHI PHÍ THẨM ĐỊNH TKKT (0,121%)	18.296	20,0	366.000

7. Thời gian và tiến độ thực hiện:

Thời gian thực hiện năm 2023, cụ thể như sau:

- Tháng 5/2023: Xây dựng hồ sơ thiết kế, dự toán; trình, duyệt;
- Tháng 6 - 7/2023: tiến hành chăm sóc lần 1;
- Tháng 10-11/2023: tiến hành chăm sóc lần 2;
- Tháng 11 -12/2023: tiến hành nghiệm thu và hoàn thiện hồ sơ thanh toán theo quy định

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

1. Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng của vùng, của địa phương.

Toàn bộ diện tích 20,0 ha rừng trồng là rừng phòng hộ năm thứ 2 của năm 2023 đưa vào thiết kế chăm sóc năm địa bàn 04 xã của huyện Sơn Động (Xã An Lạc: 1,9 ha; xã Dương Hưu: 15,8 ha; xã Long Sơn: 1,3 ha; xã Thanh Luận: 1,0 ha), tỉnh Bắc Giang nằm trong diện tích quy hoạch là rừng phòng hộ theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050. Đất đã được nhà nước giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

2. Đánh giá tính xác thực về hiện trạng của đối tượng thiết kế

Đối tượng thiết kế đưa vào chăm sóc là rừng trồng phòng hộ năm 2023 là rừng trồng năm 2022 đã được nghiệm thu rừng trồng năm thứ nhất (năm 2022) theo quy định, với loài cây trồng rừng là cây Thông mã vĩ, Lim xanh và Keo tai tượng.

3. Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế

Các giải pháp thiết kế kỹ thuật chăm sóc rừng trồng là rừng phòng hộ năm 2 của năm 2023 (số lần phát, phương thức phát, độ sâu và đường kính xới quanh gốc cây) được xây dựng dựa trên hiện trạng thực bì thực tế tại các lô rừng, tuổi cây và đúng theo quy định tại Khoản 2, Điều 13 của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định về các biện pháp lâm sinh, cụ thể:

- Loài cây trồng đưa vào thiết kế chăm sóc là cây Thông mã vĩ, Lim xanh và Keo tai tượng. Đây là các loài cây bản địa tại địa phương nên phù hợp với điều kiện thực địa và đúng với quy định tại mục a, khoản 2 Điều 10 Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Số lần chăm sóc là 02 lần, phù hợp với mục a, khoản 2 Điều 13 Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Bón thúc: Số lần bón thúc là 01 lần được thực hiện cùng với xới đất vun gốc cây của chăm sóc lần 1 là phù hợp với mục b, khoản 2 Điều 13 Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

4. Về chất lượng hồ sơ thiết kế, việc tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan

Việc xây dựng hồ sơ thiết kế và dự toán được đơn vị tư vấn là công ty TNHH nông lâm nghiệp Hưng Thịnh xây dựng dựa theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 về hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh và Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành định mức trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh và bảo vệ rừng, đồng thời kết hợp với việc tham khảo giá cả thực tế tại địa phương. Hồ sơ đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu đề ra và đúng theo quy định của Nhà nước.

5. Năng lực của đơn vị lập hồ sơ thiết kế, dự toán

Công ty TNHH nông lâm nghiệp Hưng Thịnh có đội ngũ cán bộ chuyên môn chuyên ngành lâm nghiệp, có năng lực trình độ và đã thực hiện nhiều công trình, dự án thiết kế thi công trồng, chăm sóc rừng trồng trong tỉnh cũng như trên phạm vi cả nước.

6. Đánh giá mức độ ảnh hưởng của công trình đến các khu di tích lịch sử, văn hóa hoặc tín ngưỡng của cộng đồng:

Chăm sóc rừng trồng góp phần mang lại nhiều giá trị về cảnh quan, môi trường, tài nguyên thực vật đa dạng và phong phú là những yếu tố thuận lợi để phát triển một số loại hình du lịch, như: Du lịch sinh thái, khám phá rừng núi, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng tìm hiểu nét độc đáo trong đời sống sinh hoạt của cư dân bản địa.

7. Năng lực của đơn vị thực hiện công trình: Hình thức triển khai thi công là khoán cho tới từng hộ gia đình cá nhân.

8. Năng lực của tư vấn giám sát thi công: Việc giám sát đánh giá do chủ đầu tư là Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động thực hiện với đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ địa bàn có trình độ chuyên môn và đủ năng lực thực hiện công tác kiểm tra, giám sát.

9. Các vấn đề rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thực hiện làm ảnh hưởng đến kết quả đầu tư

Các điều kiện ngoại cảnh về thời tiết như: Khô hạn, sương muối... có nguy cơ ảnh hưởng đến sinh trưởng của rừng trồng và công tác phòng cháy chữa cháy rừng.

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN

1. Sự phù hợp của phương pháp xác định dự toán công trình với đặc điểm, tính chất, yêu cầu kỹ thuật, công nghệ của công trình

Phương pháp xác định dự toán công trình của hồ sơ thiết kế, dự toán được đơn vị tư vấn sử dụng kết hợp giữa các yếu tố sẵn có, nội suy các yếu tố thị trường, vận dụng các yếu tố có tính chất tương đồng và xác định trên cơ sở các định mức, phù hợp với đặc điểm tình hình thực tế và yêu cầu kỹ thuật của công trình.

2. Khối lượng sử dụng để xác định dự toán công trình

Khối lượng để xác định dự toán là 20,0 ha. Việc xác định dự toán được đơn vị tư vấn xác định đến từng lô thiết kế trên cơ sở các định mức đã quy định tại Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như: Nhóm thực bì, cự ly đi làm, mật độ cũng như định mức số cây trồng/ha, số lần chăm sóc và dựa trên số kinh phí đã được phân bổ theo kế hoạch năm 2023.

3. Sự phù hợp của việc áp dụng định mức, đơn giá, chế độ chính sách theo quy định, hướng dẫn của Nhà nước để tính toán

- Hồ sơ thiết kế và dự toán chăm sóc rừng trồng là rừng phòng hộ năm 2 của năm 2023 được công ty TNHH nông lâm nghiệp Hưng Thịnh xây dựng theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 về hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

- Việc áp dụng các định mức công, đơn giá và các khoản chi phí khác trong thiết kế và lập dự toán được đơn vị tư vấn xây dựng dựa trên các văn bản quy định hiện hành như: Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành định mức trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh và bảo vệ rừng; Quyết định số 388/QĐ-SXD ngày 26/12/2022 của Giám đốc Sở xây dựng tỉnh Bắc Giang về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.

4. Xác định giá trị dự toán công trình lâm sinh sau khi thực hiện thẩm định.

Tổng giá trị dự toán thẩm định là: 313.879.000 đồng.

(Bằng chữ: Ba trăm mười ba triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn đồng)

Tăng so với hồ sơ đề nghị của Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động tại tờ trình số 06/TTr-BQL ngày 18/5/2023 là 2.020.000 đồng *(Hai triệu không trăm hai mươi nghìn đồng)*

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm)

Nguyên nhân tăng: Kinh phí chăm sóc rừng phòng hộ năm 2 (đối với diện tích đã đầu tư trồng năm 2022) giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động được Sở Tài chính thẩm định tại văn bản số 38/STC-HCSN ngày 10/01/2022 và được phân bổ tại Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt phân bổ vốn trồng rừng thay thế đợt 01 năm 2023. Trong đó, nội dung khái toán áp dụng theo đơn giá nhân công quy định tại Quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 17/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, hiện nay văn bản này đã hết hiệu lực. Tuy nhiên, Hồ sơ thiết kế, kết quả thẩm định dự toán dựa trên đơn giá nhân công được áp dụng theo Quyết định số 388/QĐ-SXD ngày 26/12/2022 của Giám đốc Sở xây dựng tỉnh Bắc Giang về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, có hiệu lực từ ngày kể từ ngày 01/01/2023, nên tổng giá trị dự toán tăng lên. Do vậy, khi xây dựng dự toán đơn vị tư vấn và chủ dự án đã thống nhất tiết kiệm nhân công, giảm một phần kinh phí thực hiện ở mục chi phí trực tiếp cho phù hợp với kinh phí đã được giao nhưng vẫn đảm bảo chất lượng công trình.

5. Khả năng huy động vốn: Nguồn vốn trồng rừng thay thế đã được phân bổ tại Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

6. Kết quả thẩm định dự toán: Tổng dự toán chăm sóc rừng trồng là rừng phòng hộ năm 2 của năm 2023 là: **311.859.000 đồng**

(Bằng chữ: Ba trăm mười một triệu tám trăm năm mươi chín nghìn đồng.)

Trong đó:

- a) Tổng chi phí đầu tư xây dựng: 302.420.000 đồng, bao gồm
 - + Chi phí nhân công: 235.900.000 đồng
 - + Chi phí phân bón: 40.960.000 đồng
 - + Chi phí khảo sát, thiết kế, lập hồ sơ dự toán: 25.560.000 đồng.
- b) Chi phí quản lý (3%): 9.073.000 đồng.
- c) Chi phí thẩm định TKKT (0,121%): 366.000 đồng

IV. KẾT LUẬN

1. Hồ sơ thiết kế và dự toán chăm sóc rừng trồng là rừng phòng hộ năm 2 (20 ha) - năm 2023, do công ty TNHH nông lâm nghiệp Hưng Thịnh xây dựng, Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động trình đủ điều kiện phê duyệt theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Trên cơ sở đề nghị của Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động và kết quả thẩm định của Chi cục Kiểm lâm, đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, phê duyệt hồ sơ thiết kế và lập dự toán chăm sóc rừng trồng là

rừng phòng hộ năm 2 (20 ha) - năm 2023 của Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở NN&PTNT (b/c);
- Giám đốc, PGĐ Sở (ô. Quý)
- Lãnh đạo Chi cục;
- BQL rừng PH Sơn Động;
- Lưu: VT, SDPTR.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Hậu

BIỂU 01: KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN ĐẦU TƯ 01 HA

(Kèm theo báo cáo thẩm định số /BC-KL ngày tháng 6 năm 2023 của Chi cục Kiểm lâm)

TT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Căn cứ xác định mức, đơn giá
	TỔNG DỰ TOÁN (I+II+III)					15.694.000	
I	CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG					15.219.000	
1	Chi phí trực tiếp					13.854.000	
1.1	Chi phí nhân công					11.806.000	
+	Vận chuyển phân, bón phân	Công	170	7,82	238.460	1.866.000	d119, cột a, QĐ số 38/2005/QĐ-BNN
+	Phát chăm sóc lần 1	Công	748	13,37	238.460	3.188.000	d114, cột b, QĐ số 38/2005/QĐ-BNN
+	Xới chăm sóc lần 1	Công	148	8,99	238.460	2.143.000	d129, cột a, QĐ số 38/2005/QĐ-BNN
+	Phát chăm sóc lần 2	Công	967	10,34	238.460	2.466.000	d115, cột b, QĐ số 38/2005/QĐ-BNN
+	Xới chăm sóc lần 2	Công	148	8,99	238.460	2.143.000	d129, cột a, QĐ số 38/2005/QĐ-BNN
1.2	Chi phí vật tư					2.048.000	
	Phân bón lót NPK (5.10.3); 0,2kg/cây	kg	0,2	266	7.700	2.048.000	Giá thị trường
2	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng					1.365.000	
	Khảo sát, thiết kế, lập hồ sơ dự toán	Công	461	4,61	296.000	1.365.000	d153, cột b; QĐ số 38/2005/BNN
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ (3%)					456.570	TT số 15/2019/TT-BNNPTNT
III	CHI PHÍ THẨM ĐỊNH TKKT (0,121%)					18.415	TT số 210/2016/TT-BTC

BIỂU 02: KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN ĐẦU TƯ 20,0 HA
(Kèm theo báo cáo thẩm định số /BC-KL ngày tháng 6 năm 2023 của Chi cục Kiểm lâm)

TT	Hạng mục	Hồ sơ đơn vị trình			Chi cục Kiểm lâm thẩm định			Chênh lệch (đồng)
		Đơn giá	Diện tích (ha)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá	Diện tích (ha)	Thành tiền (đồng)	
	DỰ TOÁN (I+II+III)	15.593.000	20,0	311.859.000	15.694.000	20,0	313.879.000	2.020.000
I	CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	15.121.000	20,0	302.420.000	15.219.000	20,0	304.380.000	1.960.000
1	Chi phí trực tiếp	13.843.000	20,0	276.860.000	13.854.000	20,0	277.080.000	220.000
<i>1.1</i>	<i>Chi phí nhân công</i>	<i>11.795.000</i>	<i>20,0</i>	<i>235.900.000</i>	<i>11.806.000</i>	<i>20,0</i>	<i>236.120.000</i>	<i>220.000</i>
+	Vận chuyển phân, bón phân	1.863.000	20,0	37.260.000	1.866.000	20,0	37.320.000	60.000
+	Phát chăm sóc lần 1	3.186.000	20,0	63.720.000	3.188.000	20,0	63.760.000	40.000
+	Xới chăm sóc lần 1	2.140.000	20,0	42.800.000	2.143.000	20,0	42.860.000	60.000
+	Phát chăm sóc lần 2	2.466.000	20,0	49.320.000	2.466.000	20,0	49.320.000	0
+	Xới chăm sóc lần 2	2.140.000	20,0	42.800.000	2.143.000	20,0	42.860.000	60.000
<i>1.2</i>	<i>Chi phí vật tư</i>	<i>2.048.000</i>	<i>20,0</i>	<i>40.960.000</i>	<i>2.048.000</i>	<i>20,0</i>	<i>40.960.000</i>	<i>0</i>
	Phân bón lót NPK (5.10.3); 0,2kg/cây	2.048.000	20,0	40.960.000	2.048.000	20,0	40.960.000	0
2	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.278.000	20,0	25.560.000	1.365.000	20,0	27.300.000	1.740.000
	Khảo sát, thiết kế, lập hồ sơ dự toán	1.278.000	20,0	25.560.000	1.365.000	20,0	27.300.000	1.740.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ (3%)	453.630	20,0	9.073.000	456.570	20,0	9.131.000	58.000
III	CHI PHÍ THẨM ĐỊNH TKKT (0,121%)	18.296	20,0	366.000	18.415	20,0	368.000	2.000

